SỞ Y TẾ TÂY NINH
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 0520 /KQ-KSBT

# PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

***Mã số mẫu: 00429.21***

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG – CN TÂY NINH

Địa chỉ : TỔ 15, ĐƯỜNG ĐT 782, ẤP PHƯỚC ĐỨC B, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

Người lấy mẫu : Đặng Thị Mỹ Liên

Địa điểm lấy mẫu : Vòi nước tại Phòng thí nghiệm

Tên mẫu : **NƯỚC MÁY**

Ngày lấy mẫu : 16/06/2021

Lượng mẫu : 2,0 lít x 02 bình + 250 ml x 02 chai

Ngày nhận mẫu : 16/06/2021

Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả.

Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Số tt | Chỉ tiêu | Phương pháp | Kết quả | Tiêu chuẩn | Ngày kiểm nghiệm |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | pH | TCVN 6492:2011 | 6,64 | 6,0-8,5 | 16/06/2021 |
| 2 | Mùi | SMEWW 2150B | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ | 16/06/2021 |
| 3 | Vị | SMEWW 2160B | Không có vị lạ | Không có vị lạ | 16/06/2021 |
| 4 | Độ đục | SMEWW 2130 B-2017 | 0,09 NTU | ≤ 2,0 NTU | 17/06/2021 |
| 5 | Màu sắc | SMEWW 2120 C-2017 | 0,94 TCU | ≤ 15 TCU | 17/06/2021 |
| 6 | Clo dư | Clo test/ Martini instruments | 0,58 mg/L | 0,2 - 1,0 mg/L | 16/06/2021 |
| 7 | Asen tổng số | HD.PP.21/TT.AAS:2019 – Ref.SMEWW 3125B – 2017 (ICP-MS) (1) | Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/L | ≤ 0,01 mg/L | 22/06/2021 |
| 8 | Coliforms tổng cộng | TCVN 6187 – 1:2019 (ISO 9308-1 : 2014) | 0 CFU/100 mL | < 3 CFU/100 mL | 16/06/2021 |
| 9 | *E.coli* | TCVN 6187 – 1:2019 (ISO 9308-1 : 2014) | 0 CFU/100 mL | < 1 CFU/100 mL | 16/06/2021 |

**Ghi chú:**
- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.*
- *Quá thời gian lưu mẫu, TTKSBT Tây Ninh không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.*
- *(1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.*
- *MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.*

**Nhận xét**: Mẫu **NƯỚC MÁY** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Cục Quản lý môi trường y tế biên soạn, Vụ Pháp chế trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Y tế ban hành.

*Ngày 30 tháng 6 năm 2021*

**P. KHOA XÉT NGHIỆM-CĐHA-TDCN**

***CN.Nguyễn Anh Vũ***

KT **GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH TÂY NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Tô Thanh Tài

SỞ Y TẾ TÂY NINH
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 0521 /KQ-KSBT

# PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

***Mã số mẫu: 00430.21***

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG – CN TÂY NINH

Địa chỉ : TỔ 15, ĐƯỜNG ĐT 782, ẤP PHƯỚC ĐỨC B, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

Người lấy mẫu : Đặng Thị Mỹ Liên

Địa điểm lấy mẫu : Công ty HA. Tire VINA.

Tên mẫu : **NƯỚC MÁY**

Ngày lấy mẫu : 16/06/2021

Lượng mẫu : 2,0 lít x 02 bình + 250 ml x 02 chai

Ngày nhận mẫu : 16/06/2021

Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả.

Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Số tt | Chỉ tiêu | Phương pháp | Kết quả | Tiêu chuẩn | Ngày kiểm nghiệm |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | pH | TCVN 6492:2011 | 6,62 | 6,0-8,5 | 16/06/2021 |
| 2 | Mùi | SMEWW 2150B | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ | 16/06/2021 |
| 3 | Vị | SMEWW 2160B | Không có vị lạ | Không có vị lạ | 16/06/2021 |
| 4 | Độ đục | SMEWW 2130 B-2017 | 0,05 NTU | ≤ 2,0 NTU | 17/06/2021 |
| 5 | Màu sắc | SMEWW 2120 C-2017 | 2,57 TCU | ≤ 15 TCU | 17/06/2021 |
| 6 | Clo dư | Clo test/ Martini instruments | 0,55 mg/L | 0,2 - 1,0 mg/L | 16/06/2021 |
| 7 | Asen tổng số | HD.PP.21/TT.AAS:2019 – Ref.SMEWW 3125B – 2017 (ICP-MS) (1) | Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/L | ≤ 0,01 mg/L | 22/06/2021 |
| 8 | Coliforms tổng cộng | TCVN 6187 – 1:2019 (ISO 9308-1 : 2014) | 0 CFU/100 mL | < 3 CFU/100 mL | 16/06/2021 |
| 9 | *E.coli* | TCVN 6187 – 1:2019 (ISO 9308-1 : 2014) | 0 CFU/100 mL | < 1 CFU/100 mL | 16/06/2021 |

**Ghi chú:**
- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.*
- *Quá thời gian lưu mẫu, TTKSBT Tây Ninh không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.*
- *(1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.*
- *MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.*

**Nhận xét**: Mẫu **NƯỚC MÁY** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Cục Quản lý môi trường y tế biên soạn, Vụ Pháp chế trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Y tế ban hành.

*Ngày 30 tháng 6 năm 2021*

**P. KHOA XÉT NGHIỆM-CĐHA-TDCN**

***CN.Nguyễn Anh Vũ***

KT **GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH TÂY NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

**Tô Thanh Tài**

SỞ Y TẾ TÂY NINH
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 0522 /KQ-KSBT

# PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

***Mã số mẫu: 00431.21***

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG – CN TÂY NINH

Địa chỉ : TỔ 15, ĐƯỜNG ĐT 782, ẤP PHƯỚC ĐỨC B, XÃ PHƯỚC ĐÔNG, HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

Người lấy mẫu : Đặng Thị Mỹ Liên

Địa điểm lấy mẫu : Công ty TNHH LATEX.

Tên mẫu : **NƯỚC MÁY**

Ngày lấy mẫu : 16/06/2021

Lượng mẫu : 2,0 lít x 02 bình + 250 ml x 02 chai

Ngày nhận mẫu : 16/06/2021

Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả.

Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Số tt | Chỉ tiêu | Phương pháp | Kết quả | Tiêu chuẩn | Ngày kiểm nghiệm |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | pH | TCVN 6492:2011 | 6,51 | 6,0-8,5 | 16/06/2021 |
| 2 | Mùi | SMEWW 2150B | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ | 16/06/2021 |
| 3 | Vị | SMEWW 2160B | Không có vị lạ | Không có vị lạ | 16/06/2021 |
| 4 | Độ đục | SMEWW 2130 B-2017 | 0,06 NTU | ≤ 2,0 NTU | 17/06/2021 |
| 5 | Màu sắc | SMEWW 2120 C-2017 | 1,10 TCU | ≤ 15 TCU | 17/06/2021 |
| 6 | Clo dư | Clo test/ Martini instruments | 0,50 mg/L | 0,2 - 1,0 mg/L | 16/06/2021 |
| 7 | Asen tổng số | HD.PP.21/TT.AAS:2019 – Ref.SMEWW 3125B – 2017 (ICP-MS) (1) | Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/L | ≤ 0,01 mg/L | 22/06/2021 |
| 8 | Coliforms tổng cộng | TCVN 6187 – 1:2019 (ISO 9308-1 : 2014) | 0 CFU/100 mL | < 3 CFU/100 mL | 16/06/2021 |
| 9 | *E.coli* | TCVN 6187 – 1:2019 (ISO 9308-1 : 2014) | 0 CFU/100 mL | < 1 CFU/100 mL | 16/06/2021 |

**Ghi chú:**
- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.*
- *Quá thời gian lưu mẫu, TTKSBT Tây Ninh không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.*
- *(1) Phép thử do Viện Y tế Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.*
- *MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp.*

**Nhận xét**: Mẫu **NƯỚC MÁY** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Cục Quản lý môi trường y tế biên soạn, Vụ Pháp chế trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Y tế ban hành.

*Ngày 30 tháng 6 năm 2021*

**P. KHOA XÉT NGHIỆM-CĐHA-TDCN**

***CN.Nguyễn Anh Vũ***

KT **GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH TÂY NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

**Tô Thanh Tài**